

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS-ST  
Ngày: 30-6-2022  
V/v Tranh chấp về lối đi qua bất động  
sản liền kề

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trãi

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Minh Tân  
2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Minh, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hữu Thọ, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 4 và 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp về lối đi qua bất động sản liền kề” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS ngày 10/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-DS ngày 30/3/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15/2022/QĐST-DS ngày 27/4/2022 và thông báo mở lại phiên tòa số 656/TA ngày 13/6/2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

- 1.1. Bà Lương Thị T, sinh năm 1956;
- 1.2. Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1982;
- 1.3. Chị Nguyễn Thị Băng T2, sinh năm 1972;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thuý và chị T2: Chị Bùi Thanh L, sinh năm 1987 (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2019 và văn bản ủy quyền ngày 09/5/2019);

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964;

3.2. Bà Nguyễn Thị Xuân B, sinh năm 1965;

3.3. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1968;

3.4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971;

3.5. Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1978;

3.6. Anh Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1991;

3.7. Chị Nguyễn Huỳnh Huyền T5, sinh năm 1995;

3.8. Chị Nguyễn Huỳnh Huyền T6, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

3.9. Chị Bùi Thanh L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T1, chị L có mặt tại phiên tòa; Ông S, ông H, bà B, ông T4, bà N, ông B1, anh H1, chị T5, chị T6 vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Minh T1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Bùi Thanh L cùng trình bày:***

Bà T, anh T1, chị T2, chị L đang sử dụng phần đất thửa số 148, tờ bản đồ số 34, diện tích 2.148m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, do bà Lương Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất này là của ông Nguyễn Văn T7 được cha, mẹ tặng cho (Ông T7 là chồng bà T, cha của anh T1, chị T2). Ông Nguyễn Văn T7 chết năm 2015, đến năm 2019 bà T đăng ký thừa kế đối với phần đất do ông T7 để lại. Ngày 14/3/2019, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hiện trạng sử dụng thì phần đất mà ông T7 được cha mẹ cho nằm phía trong phần đất của ông Nguyễn Văn M (ông M là anh ruột của ông T7) thuộc thửa số 70, tờ bản đồ số 34, do hộ bà Ngô B2 đứng tên quyền sử dụng đất (bà Ba là vợ ông M), do đó trước đây gia đình ông M, bà Ba có cho gia đình ông T7 sử dụng một lối đi ngang 2m từ đất của ông T7 ra đường Tỉnh lộ 854, lối đi này gia đình bà T, ông T7 đã sử dụng hơn 30 năm.

Tuy nhiên, sau khi ông M và ông T7 chết thì đến năm 2017, ông Nguyễn Văn S (con ông M) và các anh chị em của ông S không cho gia đình bà T đi nhờ lối đi qua đất do bà Ba đứng tên quyền sử dụng đất nữa. Ngoài lối đi qua đất do bà Ba đứng tên quyền sử dụng đất trên thì gia đình bà T không còn lối đi nào khác để ra đường công cộng. Bà T và anh T1 đã nhiều lần thương lượng với gia đình ông S nhưng ông S và các anh chị em của ông S không cho gia đình bà T sử dụng lối đi trước đây để đi ra đường công cộng.

Nay các nguyên đơn yêu cầu được quyền sử dụng lối đi rộng 1,5m diện tích đo đạc thực tế 137,1m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 70 tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, do hộ bà Ngô B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện do ông S và các anh chị em của ông S quản lý sử dụng, nằm trong phạm vi các mốc: 1, 2, 3, 4A, 4, 5, 6, 7, 8, 3A, 9, 10, về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 03/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

Các nguyên đơn đồng ý trả giá trị đất cho gia đình bị đơn theo giá mà Hội đồng định giá đã định là 1.400.000 đồng/1m<sup>2</sup>. Đồng thời các nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cây trồng và vật kiến trúc trên diện tích lối đi số tiền 2.000.000 đồng.

***Bị đơn ông Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn S trình bày:***

Nguồn gốc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 34, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 3.914,7m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, do hộ bà Ngô B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của ông Nguyễn Văn M cha của ông S. Hiện phần đất trên do ông S và các anh chị em của ông S cùng quản lý sử dụng. Lúc bà Ba còn sống thì có cho gia đình bà T, anh T1 đi nhờ một lối đi ngang khoảng 01 mét. Tuy nhiên, sau đó giữa gia đình 2 bên xảy ra mâu thuẫn do gia đình bà T và anh T1 làm hàng rào không cho gia đình ông S đi nhờ ra phần đất phía sau của gia đình ông S. Do đó, ông S không đồng ý cho gia đình bà T, anh T1 sử dụng lối đi qua phần đất mà ông S đang quản lý do hộ bà Ngô B2 đứng tên quyền sử dụng đất. Đối với phần đất này thì các anh chị em của ông S chưa phân chia thừa kế.

***Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Xuân B, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn

B1, anh Nguyễn Quốc H1, chị Nguyễn Huỳnh Huyền T5, chị Nguyễn Huỳnh Huyền T6 vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chị Bùi Thanh L thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn và không có yêu cầu gì thêm.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán có đảm bảo đúng quy định của pháp luật: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, sắp xếp tư cách tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định, thu thập đầy đủ chứng cứ cho việc giải quyết vụ án, về Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa có đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật; Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án là chưa chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc được sử dụng lối đi qua phần đất mà bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đang quản lý là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc mở lối đi qua thửa đất số 70 do bà Ngô B2 đứng tên quyền sử dụng đất, buộc các nguyên đơn trả giá trị đất cho gia đình bị đơn. Đồng thời công nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn về việc hỗ trợ chi phí di dời cây trồng và vật kiến trúc trên diện tích lối đi số tiền là 2.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Các

nguyên đơn yêu cầu được sử dụng lối đi qua thửa đất số 70, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, do hộ bà Ngô B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là tranh chấp về lối đi qua bất động sản liên kế quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 9 Điều 26 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật Đất đai.

[2] *Về tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Xuân B, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn B1, anh Nguyễn Quốc H1, chị Nguyễn Huỳnh Huyền T5, chị Nguyễn Huỳnh Huyền T6 đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Lương Thị T, anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Thị Băng T2 về việc yêu cầu được quyền sử dụng một lối đi qua thửa đất số 70 tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp có diện tích 137,1m<sup>2</sup> nằm trong phạm vi các mốc: 1, 2, 3, 4A, 4, 5, 6, 7, 8, 3A, 9, 10, về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 03/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, do hộ bà Ngô B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 34, diện tích 2.148m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, do bà Lương Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất, trên đất có căn nhà do bà T, anh T1, chị T2, chị L đang sử dụng bị vây bọc bởi thửa các thửa 70 (do hộ bà Ngô B2 đứng tên quyền sử dụng đất); thửa 31 (của ông Trần Văn Vốn); thửa số 48 (của ông Lê Gia Đức). Để đi ra đường công cộng (Đường ĐT 854) trước đây gia đình bà T phải đi qua thửa đất số 70 của hộ bà Ngô B2, hiện do ông Nguyễn Văn S và các anh chị em của ông S (là con của bà Ngô B2) quản lý, sử dụng.

Về quá trình sử dụng lối đi theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, nhận thấy:

- Lối đi trên, gia đình nguyên đơn đã được cha, mẹ của phía bị đơn là ông Nguyễn Văn M và bà Ngô B2 cho gia đình nguyên đơn sử dụng khoảng hơn 30 năm, do giữa ông T7 (chồng của bà T) và ông M là anh em ruột, đồng thời nguồn gốc đất là do cha, mẹ để lại. Đến khi ông M và ông T7 chết thì các con của ông M là ông S và anh chị em của ông S ngăn cản không cho các nguyên đơn sử dụng lối đi trên nữa.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn S cũng thừa nhận khi bà Ngô B2 còn sống thì có cho gia đình của bà T được sử dụng lối đi khoảng 01 mét qua phần đất thửa 70 do hộ bà Ngô B2 đứng tên quyền sử dụng đất.

Xét thấy, ngoài đi qua thửa đất số 70 do hộ bà Ngô B2 đứng tên quyền sử dụng đất thì gia đình các nguyên đơn không còn lối đi nào khác để ra đường công cộng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc được sử dụng lối đi rộng 1,5m diện tích 137,1m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 70 tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, do hộ bà Ngô B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện do ông Nguyễn Văn S và các anh chị em của ông S quản lý sử dụng, nằm trong phạm vi các mốc: 1, 2, 3, 4A, 4, 5, 6, 7, 8, 3A, 9, 10, về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 03/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành là có căn cứ chấp nhận và phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 254 của Bộ luật Dân sự.

*Điều 254 Bộ luật Dân sự quy định:*

*1. Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.*

*Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.*

*Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

*2. Vị trí, giới hạn chiều dài, chiều rộng, chiều cao của lối đi do các bên thỏa thuận, bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên; nếu có tranh chấp về lối đi thì có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác xác định.*

[4] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích lối đi mà các nguyên đơn yêu cầu do hộ bà Ngô B2 đứng tên quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà Ngô B2 gồm: Bà Ngô B2, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Xuân B, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B1. Đồng thời bà Ba chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của bà Ba cũng là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Xuân B, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B1.

Do diện tích lối đi mà nguyên đơn được chấp nhận thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà Ngô B2 nên nguyên đơn phải trả giá trị đối với phần diện tích lối đi cho những người được quyền sử dụng đất trong hộ bà Ngô B2 theo giá thị trường do Hội đồng định giá đã định. Tuy nhiên, trong vị trí lối đi mà nguyên đơn yêu cầu có 3,2m<sup>2</sup> đất nằm trong phạm vi các mốc 1,2,9,10 về mốc 1 đã bị nhà nước thu hồi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường ĐT 854 và hộ bà Ngô B2 đã nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất nêu trên. Do đó, các nguyên đơn phải trả giá trị đối với diện tích 133,9 m<sup>2</sup> nằm trong phạm vi các mốc 2, 3, 4A, 4, 5, 6, 7, 8, 3A, 9, về mốc 2 với giá 1.400.000 đồng/m<sup>2</sup> là 187.460.000 đồng.

[5] Các nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời cây trồng và hàng rào trên diện tích lối đi số tiền 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Trên diện tích lối đi mà nguyên đơn yêu cầu được sử dụng có hàng rào lưới B40, trụ xi măng từ mốc 2 đến mốc 3 và một bụi tre của gia đình bà Ba. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn S và các anh chị em của ông S ngăn cản không cho tiến hành xem xét thẩm định và định giá đối với tài sản trên phần đất tranh chấp. Do đó, ông Nguyễn Văn S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hộ bà Ba có nghĩa vụ di dời cây trồng và vật kiến trúc có trên diện tích lối đi mà nguyên đơn được sử dụng.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc được sử dụng lối đi rộng 1,5m diện tích 133,9m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 70 tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, do hộ bà Ngô B2, buộc các nguyên đơn phải trả giá trị đất cho hộ bà Ngô B2 theo giá thị trường do Hội đồng định giá đã định là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hộ bà Ba phải chịu phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản. Các nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong. Do đó, bị đơn phải nộp trả lại cho các nguyên đơn.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu mở lối đi của các nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hộ bà Ba phải chịu tiền án phí không có giá ngạch.

Các nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với tiền giá trị đất phải trả cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Riêng bà Lương Thị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do bà T thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Các nguyên đơn: Bà Lương Thị T, anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Thị Băng T2 được quyền sử dụng diện tích 133,9m<sup>2</sup> đất làm lối đi thuộc một phần thửa số 70 tờ bản đồ số 34, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Tân Bình, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, do hộ bà Ngô B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nằm trong phạm vi các mốc: 2, 3, 4A, 4, 5, 6, 7, 8, 3A, 9, về mốc 2, theo sơ đồ đo đạc ngày 03/03/2022, của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Lương Thị T, anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Thị Băng T2 liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Xuân B, ông Nguyễn Văn



T4, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B1 số tiền giá trị đất là 187.460.000 đồng.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Xuân B, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn B1 di dời hàng rào lưới B40, trụ xi măng từ mốc 2 đến mốc 3 và cây trồng trên diện tích lối đi nằm trong phạm vi các mốc 2, 3, 4A, 4, 5, 6, 7, 8, 3A, 9 về mốc 2, theo sơ đồ đo đạc ngày 03/03/2022, của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

Công nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị T, anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Thị Băng T2 hỗ trợ chi phí di dời cây trồng và hàng rào trên diện tích lối đi số tiền 2.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Xuân B, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

2. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Xuân B, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B1 phải chịu 4.947.000 đồng tiền chi phí tố tụng. Anh T1 đã nộp tạm ứng và chi xong nên ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Xuân B, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B1 phải nộp trả lại cho anh T1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Minh T1, chị Nguyễn Thị Băng T2 liên đới chịu 6.248.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02937 ngày 15/3/2018, anh T1, chị T2 còn phải nộp tiếp 5.948.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Xuân B, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn B1 liên đới chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lương Thị T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh (1);
- VKSND Huyện (1);
- Chi cục THADS Huyện (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Nguyễn Văn Trãi**